TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 32

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số «một trăm bốn mươi sáu» viết là:

A. 641 **B.** 146 **C.** 164 **D.** 1046

Câu 2. Kết quả của phép nhân 6 × 8 là:

A. 40 **B.** 54 **C.** 14 **D.** 48

Câu 3. Gấp 8 lên 4 lần được:

A. 40 **B.** 12 **C.** 36 **D.** 32

Câu 4. Một phần hai (1/2) của 18 kg là:

A. 11 kg **B.** 9 kg **C.** 36 kg **D.** 16 kg

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2 m 4 cm = …… cm

A. 24 **B.** 204 **C.** 2004 **D.** 240

Câu 6. H là trung điểm của đoạn thẳng EG. Biết EG = 28 cm, độ dài đoạn EH là:

A. 14 cm **B.** 28 cm **C.** 26 cm **D.** 56 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hình tròn bán kính 11 cm thì đường kính là 22 cm	
b) 3 × 7 = 24	
c) 5 m = 500 cm	
d) 31 + 3 × 5 = 46	

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5, 10, ……, 20, 25, ……

b) 334, 434, 534, ……, 734, ……

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 dm 8 cm = …… cm

b) 6 m = …… dm

c) 40 mm = …… cm

d) 8 kg = …… g

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 5 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 18 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 10 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình chữ nhật.

Bài 6. Tổ Một trồng được 22 cây. Tổ Hai trồng được gấp 3 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: …… cây

b) Cả hai tổ trồng được: …… cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 32

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	D	B	B	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) Đ

Bài 2.

a) Đếm thêm 5: 5, 10, 15, 20, 25, 30

b) Mỗi số hơn số trước 100 đơn vị: 334, 434, 534, 634, 734, 834

Bài 3.

a) 5 dm 8 cm = 58 cm (vì 1 dm = 10 cm)

b) 6 m = 60 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 40 mm = 4 cm (vì 10 mm = 1 cm)

d) 8 kg = 8000 g (vì 1 kg = 1000 g)

Bài 4.

a) $5 \times 2 = 10$ (cm)

b) $18 : 2 = 9$ (dm)

c) $10 : 2 = 5$ (mm)

Bài 5.

Có 4 hình đơn, 3 hình ghép 2, 2 hình ghép 3 và 1 hình lớn: 10 hình chữ nhật.

Bài 6.

Tổ Hai: $22 \times 3 = 66$ (cây)

Cả hai tổ: $22 + 66 = 88$ (cây)